

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1555/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bé

2. Bà Trương Thị Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nguyên – Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 777/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2071/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Vũ Thị L, sinh năm: 1986

Hộ khẩu thường trú: Khu phố Q, thị trấn T, huyện C, tỉnh T

Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh S

Địa chỉ: đường P, Khu phố Q, phường T, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V

Địa chỉ: Tòa nhà R – đường Đ, Phường A, Quận B, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Minh K, sinh năm: 1982

Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà R – đường Đ, Phường A, Quận B, Thành phố H

(Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021)

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/8/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Từ khi chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và đầu năm 2020 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, bài bạc, đập phá đồ đạc, đánh vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống bà yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn ông T.

Về con chung: Do con chung đã về ở với ông T từ tháng 12/2020 và hiện nay ông T không cho bà biết nơi ông và con đang chung sống nên bà đề nghị giao con chung Nguyễn Vũ Gia K1, sinh 2013 cho ông T nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Vợ chồng có khoản nợ chung tại Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V (Sau đây gọi tắt là Công ty V) với số nợ gốc ban đầu là 40.000.000 đồng. Bà đề nghị mỗi bên chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ.

- Tại bản tự khai ngày 22/10/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông xác nhận ông và bà L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh S vào năm 2012 đúng như bà L đã trình bày. Vợ chồng vẫn chung sống bình thường cho đến ngày 16/7/2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Do sau khi ông đi làm xong thì có nhậu một chút nên lúc về nhà có mắng vợ chứ ông không có đánh vợ và cũng không đập phá đồ đạc. Sau đó, bà L bỏ về nhà bố mẹ ở, ông có đến xin lỗi và muốn đưa vợ về nhưng bà L không đồng ý. Ông xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà L, mong muốn tiếp tục hàn gắn gia đình nên ông không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: ông và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Gia K1, sinh 2013. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà L nuôi con thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: ông xác nhận vợ chồng có khoản nợ chung tại Công ty V với số nợ gốc ban đầu là 40.000.000 đồng như bà L đã trình bày. Ông đồng ý mỗi bên chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ.

- Tại văn bản không đề ngày tháng 5/2021, ông Bùi Minh K là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V trình bày: Bà Vũ Thị L có vay vốn tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V theo Hợp đồng số 20191218-395622 ngày 18/12/2019 để tiêu dùng. Khoản vay hiện đang trả nợ bình thường, không bị quá hạn. Vì vậy, Công ty V hiện không yêu cầu giải quyết khoản nợ trong vụ án này.

- Tại phiên tòa:

Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Đề nghị giao con chung cho ông T nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: không có. Nợ chung: bà đề nghị mỗi người chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ tại Công ty V.

Ông T vắng mặt không có lý do.

Ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trừ việc Tòa án vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: Xác định bà L và ông T có khoản nợ chung tại Công ty V. Do Công ty V không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L yêu cầu ly hôn ông T và ông T có địa chỉ cư trú tại Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Bà L, ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông K và ông T.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh S cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 7/2020 và không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống, nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét ông T mong muốn vợ chồng hàn gắn vì còn thương vợ con, không muốn gia đình chia rẽ, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà L kiên quyết ly hôn, ông T không đến Tòa để tham gia hòa giải, không đưa ra được phương án nào để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ và dù đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là thể hiện sự không còn muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với bà L. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà L được ly hôn với ông T.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh S và lời khai của bà L ông T thì có đủ căn cứ xác định bà L và ông T có 01 người con chung tên Nguyễn Vũ Gia K1, sinh 2013.

Xét, tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 22/10/2020 thì bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung do con chung đang ở với bà và bản tự khai ngày 22/10/2020, ông T cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L cho biết từ tháng 12/2020 thì con chung đã về ở với ông T. Ngày 19/4/2021, Tòa án có thông báo số 1800/TB-TA đề nghị ông T đưa con chung đến Tòa để Tòa án ghi nhận nguyện vọng về việc sống với cha hay với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn nhưng ông T không thực hiện và cũng không đến Tòa để trình bày lý do.

Tại phiên hòa giải ngày 11/3/2022, bà L xác nhận hiện ông T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà không thể đưa con đến Tòa để Tòa án ghi nhận nguyện vọng của con chung do ông T và gia đình không cho bà biết địa chỉ cư trú hiện nay và bà chỉ nói chuyện được với con thông qua điện thoại. Do đó, bà đề nghị giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Xét ông T đang nuôi dưỡng con chung và bà L cũng đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 22/10/2020, ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con và bà L cũng đề nghị bà không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà L, ông T xác định không có nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà L ông T xác định ông bà có khoản nợ chung tại Công ty V với số nợ gốc ban đầu là 40.000.000 đồng và đồng ý mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ khoản nợ. Đồng thời, ông K là đại diện theo ủy quyền của Công ty V cũng xác định bà L có khoản nợ tại Công ty V theo Hợp đồng số 20191218-395622 ngày 18/12/2019 để tiêu dùng.

Do đó, có đủ cơ sở để xác định bà L và ông T có khoản nợ chung tại Công ty V theo Hợp đồng số 20191218-395622 ngày 18/12/2019.

Do Công ty V không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này trong vụ án ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Công ty V có quyền khởi kiện trong một vụ án khác để Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến khoản nợ theo Hợp đồng số 20191218-395622 ngày 18/12/2019.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ Gia K1, sinh 2013 và bà Vũ Thị L không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Vũ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Vũ Thị L chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Vũ Thị L đã nộp đủ án phí.

6. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh S cấp cho bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

7. Bà Vũ Thị L, ông Nguyễn Văn T, Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh